

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong giai đoạn hiện nay, đào tạo và BD GVTH để đáp ứng đòi hỏi mới CT và SGK mới là yêu cầu cấp thiết. Bản thân mỗi GVTH cũng cần phải tự học, tự BD thường xuyên để nâng cao trình độ, đáp ứng những yêu cầu về đổi mới GD tiểu học.

Nghiên cứu phát triển E-learning đáp ứng nhu cầu học, tự BD phát triển chuyên môn cho GV nói chung, GVTH nói riêng là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay.

Tuy nhiên, E-learning đòi hỏi nguồn học liệu khác học liệu truyền thống trên nhiều phương diện. Chính khác biệt đó đang trở thành đối tượng quan tâm và cần được nghiên cứu để có thể phát triển học liệu E-learning một cách hiệu quả. Một quan niệm khoa học về học liệu E-learning được tổ chức và xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH nước ta có thể là một đề tài nghiên cứu góp phần giải đáp những câu hỏi như sau:

1. Học liệu E-learning cho GVTH được thiết kế như thế nào thì phát huy được hiệu quả sư phạm và sức mạnh CNTT&TT và khuyến khích giáo viên khai thác để học tập thường xuyên, phát triển nghề nghiệp?

2. Học liệu E-learning trong tự học, tự BD của GVTH ảnh hưởng đến môi trường học tập, kết quả học tập, và giảng dạy cũng như về những mặt khác của giáo dục tiểu học?

Vì những lý do và bối cảnh như vậy, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu “Xây dựng học liệu E-learning đáp ứng yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên tiểu học” để thực hiện luận án tiến sĩ Giáo dục học.

**2. Mục đích nghiên cứu:** Làm sáng tỏ quan niệm khoa học về học liệu E-learning dành cho giáo viên tiểu học và xây dựng hệ thống học liệu E-learning đáp ứng nhu cầu tự học, tự bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giáo viên tiểu học.

### 3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- **Khách thể nghiên cứu:** Quá trình học tập và tự bồi dưỡng của giáo viên tiểu học.

- **Đối tượng nghiên cứu:** Học liệu E-learning và quan hệ của nó với hoạt động học tập và bồi dưỡng của giáo viên tiểu học.

### 4. Giả thuyết khoa học

Xây dựng và sử dụng học liệu E-learning là một trong những hình thức tổ chức dạy học có hiệu quả để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên tiểu học. Nếu học liệu E-learning được thiết kế và xây dựng tích hợp với những dịch vụ mạng cùng với những tiện ích phù hợp với đặc điểm và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của giáo viên tiểu học thì nó sẽ thu hút giáo viên học tập và hỗ trợ có kết quả quá trình tự học, tự bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn cho giáo viên.

### 5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

#### 5.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Vì điều kiện thời gian và năng lực còn hạn chế đề tài luận án tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

- Xác định cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của học liệu E-learning đáp ứng nhu cầu và đặc điểm nghề nghiệp của giáo viên tiểu học.

- Thiết kế học liệu E-learning và hệ thống E-learning hỗ trợ phát triển chuyên môn của GVTH dựa vào công nghệ truyền thông mạng.

- Thực nghiệm học liệu E-learning trên tài liệu mô đun có lựa chọn của một số chuyên đề bồi dưỡng giáo viên tiểu học.

## 5.2. Phạm vi nghiên cứu

- Tập trung luận chứng và thiết kế học liệu E-learning thông qua một số mô đun của một số chuyên đề BD GVTH.
- Hoạt động khảo sát đánh giá thực trạng nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên, sử dụng CNTT&TT trong giảng dạy và học tập.
- Thiết kế xây dựng hệ thống học liệu E-learning và 3 khóa học thử nghiệm đưa học liệu lên mạng cho GV sử dụng sau đó đánh giá học liệu, tác động sự phạm và tính khả thi của học liệu.

**6. Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp nghiên cứu lý luận; Phương pháp điều tra; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp tổng kết kinh nghiệm; Phương pháp case study; Phương pháp thực nghiệm sự phạm; Phương pháp sử dụng thống kê mô tả

## 7. Những luận điểm bảo vệ

- Xây dựng và sử dụng học liệu E-learning là một trong những hình thức tổ chức dạy học có hiệu quả để bồi dưỡng phát triển chuyên môn của GVTH.
- Thiết kế học liệu E-learning cần đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển chuyên môn của GVTH cũng như phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp của GVTH.
- Khai thác học liệu E-learning trong học tập và phát triển chuyên môn có tác động tích cực đến việc khai thác và ứng dụng CNTT&TT vào trong các hoạt động dạy học.

## 8. Đóng góp mới của luận án

- Góp phần làm sáng tỏ các khái niệm về học liệu, học liệu E-learning, phát triển chuyên môn của giáo viên; mối quan hệ giữa E-learning với các lý thuyết học tập; đặc điểm nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp của giáo viên tiểu học; vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông, học liệu E-learning trong việc hỗ trợ giáo viên tiểu học tự học, tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.
- Đề xuất được nguyên tắc, quy trình thiết kế xây dựng học liệu E-learning phù hợp với đặc điểm học tập và đáp ứng yêu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GVTH.
- Luận án đã đánh giá được thực trạng nhu cầu và việc khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học và học tập của giáo viên tiểu học để từ đó thiết kế học liệu E-learning phục vụ yêu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên tiểu học.
- Việc xây dựng và ứng dụng học liệu E-learning do luận án đề xuất đã có tác động tích cực đến hoạt động dạy học và bồi dưỡng cũng như các hoạt động khác của giáo viên tiểu học.

## 9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, các phụ lục nghiên cứu, nội dung luận án bao gồm 3 chương

### **CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG HỌC LIỆU E-LEARNING DÀNH CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

#### **1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

##### **1.1.1. Các nghiên cứu trên thế giới**

Trên thế giới nghiên cứu về E-learning và ứng dụng E-learning vào trong GD&ĐT đã được nghiên cứu từ những năm 90 của thế kỷ trước. Khởi đầu E-learning được nghiên cứu và phát triển mạnh mẽ ở khu vực Bắc Mỹ, châu Âu, sau đó các nước ở khu vực châu Á cũng quan tâm nghiên cứu phát triển, đặc biệt là Hàn Quốc. Những năm cuối của thế kỷ 20, GD&ĐT đã được thừa hưởng những thành tựu của CNTT&TT, nhiều nghiên cứu về các phần mềm dạy học, đào tạo dựa trên công nghệ web, khoá đào tạo trực tuyến,... đã được thực hiện.

Các nghiên cứu về E-learning trong đào tạo, BD GV cũng đã được một số nước ở châu Âu nghiên cứu và phát triển như: Hệ thống đào tạo GV về CNTT của Cộng hoà Síp; hệ thống ePortfolio dành cho GV của Estonia ; mô hình BD GV KenGure của Phần Lan; Mạng học tập (Learning Networks) của Na Uy ; các nghiên cứu xây dựng các hệ thống E-learning phục vụ cho công tác đào tạo và BD GV ở Bồ Đào Nha,...

Các nghiên cứu đã khẳng định được những ưu thế của E-learning trong việc đào tạo, BD GV, đặc biệt là sử dụng kết hình thức đào tạo, BD kết hợp (b-learning); Các mô hình đào tạo thông qua E-learning thực sự hấp dẫn và thu hút được GV tham gia học tập khi học liệu, nội dung đào tạo, BD phù hợp với nhu cầu, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của GV và môi trường giảng dạy của họ;

Hầu hết các khóa bồi dưỡng có nội dung được thiết kế với nền tảng ban đầu là bồi dưỡng cho GV các kiến thức, KN cơ bản về sử dụng CNTT, sau đó GV sử dụng kiến thức và kĩ năng đã học được như một công cụ để học tập các nội dung khác thông qua các hệ thống E-learning. GV có thể học được những kiến thức, KN mới thông qua công việc, các ví dụ minh hoạ cụ thể và áp dụng ngay các kiến thức, KN được học vào môi trường giảng dạy.

- Học tập trong môi trường E-learning, tương tác với tài liệu, tương tác giữa người học với người học hấp dẫn GV học tập hơn, họ cảm thấy hứng thú khi được trao đổi thảo luận và kết bạn qua các mục diễn đàn.

- Để chương trình đào tạo, BD thành công cần có sự tham gia của nhiều cơ quan: cơ quan quản lí nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo GV và các trường học. Trong đó, các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo GV chủ yếu chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn, thiết kế và xây dựng các nội dung học tập; cơ quan quản lí Nhà nước sẽ chịu trách nhiệm quản lí quá trình đào tạo, tạo cơ chế khuyến khích GV tham gia như: đánh giá, cấp chứng chỉ hoàn thành khoá học.

### **1.1.2. Nghiên cứu ở trong nước**

Ở Việt Nam các cơ sở đào tạo nghiên cứu xây dựng các hệ thống E-learning hỗ trợ cho đào tạo, BD từ xa và tập trung vào các bậc học cao như THPT, đại học,.. Các nghiên cứu ứng dụng E-learning cho việc đào tạo, BD GV đặc biệt là GVTH còn rất nhiều hạn chế. Hiện nay, chưa có những nghiên cứu đánh giá nhu cầu về học liệu E-learning, nhu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH cũng như những nghiên cứu đánh giá tác động của học liệu E-learning đến quá trình học tập và giảng dạy của GV. Chính vì vậy, đề tài nghiên cứu “Xây dựng học liệu E-learning đáp ứng yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV tiểu học” không chỉ đáp ứng yêu cầu học tập thường xuyên của GVTH trong thời gian tới mà còn góp phần củng cố thêm lý luận, làm phong phú thêm ứng dụng E-learning trong đào tạo, BD.

## **1.2. Một số khái niệm cơ bản**

### **1.2.1. Học liệu**

Theo từ điển Greenwood: *“học liệu là những vật thể được sử dụng để giúp cho việc truyền thụ kiến thức hoặc phát triển KN. Ví dụ như sách giáo khoa, các nguồn tài liệu nghe nhìn, các chương trình máy tính và thiết bị thí nghiệm”* (trang 181), trong đó không kể các thiết bị hỗ trợ.

Trong tiếng Anh học liệu được dùng bằng thuật ngữ “courseware”, có thể hiểu đó là các tài liệu dạy và học bằng điện tử, gắn với dạy học trên máy tính và trên mạng [31]. Bên cạnh đó, trong tiếng Anh còn có một số thuật ngữ khác được sử dụng có liên quan đến quan niệm học liệu đó là: Teaching materials (tài liệu giảng dạy, learning materials (tài liệu học tập), Instructional materials (tài liệu dạy học),...

### **1.2.2. E-learning**

Hiện nay, vẫn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về E-learning. Theo chúng tôi “*E-learning được hiểu một cách chung nhất là quá trình học tập và quản lý học tập thông qua các thiết bị điện tử. Ngày nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đặc biệt là công nghệ web nên khi nói đến E-learning thường được hiểu là quá trình học tập dựa trên công nghệ truyền thông mạng internet*”.

### **1.2.3. Học liệu E-learning**

Khái niệm học liệu E-learning hay còn gọi là học liệu điện tử mới xuất hiện trong thời gian gần đây, trong thời đại công nghệ số, chính vì vậy chưa có định nghĩa chính xác. Quan niệm chung nhất về học liệu điện tử đó là các tài liệu được lưu trữ và chuyển giao dưới dạng điện tử (electronical) hay kỹ thuật số (Digital) và có thể xử lý bằng máy tính điện tử.

Ngày nay, học liệu E-learning được lưu giữ trên các server, với sự phát triển của CNTT và công nghệ web giúp người dạy và người học có thể tiếp cận, khai thác để giảng dạy và học tập dễ dàng. Theo Dusan Krnel, Barbra Bajd, (2009): “*học liệu E-learning là một kế hoạch sư phạm, dễ tiếp cận, dễ hiểu cùng với đa phương tiện và các yếu tố tương tác cho học tập độc lập hoặc cho giảng dạy*” [48]. Đề tài luận án nghiên cứu học liệu E-learning theo quan niệm trên.

### **1.2.4. Phát triển chuyên môn**

Phát triển chuyên môn cho GV là sự bồi đắp, làm tăng thêm các kiến thức khoa học bộ môn, các KN sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu của GD trong các thời kỳ khác nhau. Phát triển chuyên môn cho GV diễn ra trong quá trình giảng dạy sau quá trình đào tạo ban đầu trong nhà trường sư phạm. Phát triển chuyên môn nhằm cập nhật KT và KN sư phạm từ đó giúp cho GV thích nghi với những thay đổi của môi trường dạy học [5].

### **1.3. E-learning và các lí thuyết học tập**

E-learning được thiết kế xây dựng dựa trên nền tảng các lý thuyết học tập như: Thuyết hành vi; thuyết nhận thức; thuyết kiến tạo; thuyết kết nối,..

### **1.4. Vai trò của E-learning trong tự học của giáo viên tiểu học**

- E-learning tạo điều kiện cho GVTH lựa chọn được nội dung và hình thức học tập phù hợp với nhu cầu cá nhân

- E-learning hỗ trợ GVTH tiếp cận với nguồn thông tin, kiến thức mới thông qua các học liệu điện tử đa dạng, phong phú

- E-learning có thể hỗ trợ tự kiểm tra, đánh giá kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của GVTH

- E-learning giúp GVTH có thể trao đổi thông tin, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy

### **1.5. Đặc điểm nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp của giáo viên tiểu học**

#### **1.5.1. Đặc điểm nghề nghiệp của giáo viên tiểu học**

Nghề dạy học của GVTH là nghề đặc biệt. Đối tượng lao động của GVTH rất đặc biệt, đó là HS tiểu học trong độ tuổi từ 6 đến 12 tuổi, đang trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Trong quá trình giáo dục, GVTH dùng trí tuệ và nhân cách của mình để tác động đến nhân cách của HS. Kết quả lao động sư phạm của GVTH là tạo ra sản phẩm đặc biệt, đó là nhân cách của HS tiểu học. Phẩm chất và năng lực của HS thể hiện chất lượng sản phẩm của lao động sư phạm. Những tác động sư phạm của GVTH có ấn tượng sâu sắc và ảnh hưởng lớn đối với quá trình hình thành nhân cách của các HS và theo các em suốt cuộc đời. Chính vì vậy hoạt động nghề nghiệp của GVTH có đặc thù là “*đậm đặc tính sư phạm*” [17].

Đối với GVTH có đặc thù riêng đó là dạy đủ các môn học ở tiểu học (trừ những môn đặc thù như giáo dục thể chất, nhạc, họa, ngoại ngữ có giáo viên riêng). Chính vì vậy yêu cầu về phẩm chất và năng lực một cách toàn diện hơn so với giáo viên dạy ở các cấp học khác.

### **1.5.2. Đặc điểm học tập của GV tiểu học**

Học tập của GVTH có một số đặc điểm sau: Học tập của GVTH cũng là công việc; học tập có tính mục đích rõ ràng; học tập của GVTH không chỉ học những kiến thức trên sách vở mà họ còn học qua công việc giảng dạy hàng ngày; học tập của GVTH không thụ động, luôn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kinh nghiệm sống và những hiểu biết đã có trước đó; Học tập của GVTH ngoài những yêu cầu về phát triển chuyên môn do quy định còn mang tính chất tự nguyện.

### **1.5.3. Phát triển nghề nghiệp của giáo viên tiểu học**

Cần gắn đào tạo ban đầu và đào tạo liên tục, xem đào tạo ban đầu ở trường sư phạm và BD GV là 2 giai đoạn của một quá trình liên tục, biến việc nâng cao trình độ GV là một quá trình thường xuyên, suốt cuộc đời hoạt động nghề nghiệp của họ. Để Phát triển chuyên môn cho GVTH có thể tổ chức bồi dưỡng theo các phương thức sau:

- Phát triển chuyên môn cho GVTH thông qua quá trình tự học, tự BD.
- Phát triển chuyên môn cho GVTH thông qua các lớp tập huấn.
- Phát triển chuyên môn cho GVTH thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên sâu.
- Phát triển chuyên môn cho GVTH dựa trên các hoạt động chuyên môn trong trường học.
- Phát triển chuyên môn cho GVTH dựa trên cơ sở thực hành trên lớp hoặc thực hiện các nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
- Phát triển chuyên môn dựa trên phương thức đào tạo qua e-learning.

## **1.6. Thực trạng bồi dưỡng thường xuyên và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tự học của giáo viên tiểu học**

### **1.6.1. Tổ chức khảo sát thực trạng**

### **1.6.2. Thực trạng nội dung và hình thức tổ chức bồi dưỡng**

#### **1.6.2.1. Thực trạng nội dung bồi dưỡng**

Nội dung BD thường xuyên cho GVTH hiện nay được thực hiện dựa trên Chương trình BD thường xuyên do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT- BGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2011[2]. Nội dung gồm: Khối kiến thức bắt buộc và khối thiển thức tự chọn (bao gồm 45 mô đun).

#### **1.6.2.2. Thực trạng về hình thức tổ chức bồi dưỡng**

Ngoài các lớp tập huấn theo chu kỳ, bồi dưỡng theo yêu cầu đổi mới do Bộ GD&ĐT tổ chức các Sở, Phòng GD&ĐT cũng tổ chức các lớp bồi dưỡng khác với mục đích: tập huấn nhân rộng các nội dung do Bộ GD&ĐT tổ chức; tập huấn bồi dưỡng các nội dung theo yêu cầu phát triển GD tiểu học của địa phương. Các hình thức bồi dưỡng như: sinh hoạt chuyên môn theo cum; dự giờ nghiên cứu bài học; GV xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng,...

### **1.6.3. Thực trạng và nhu cầu sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học và tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên tiểu học**

- *Thực trạng về kiến thức, KN sử dụng CNTT của GVTH:* GVTH hiện nay sử dụng tương đối tốt các phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm liên quan đến việc hỗ trợ GV soạn giáo án điện tử hoặc sử dụng để thiết kế giáo án điện tử, phần mềm trình chiếu Violet, các trang Web, mạng xã hội.

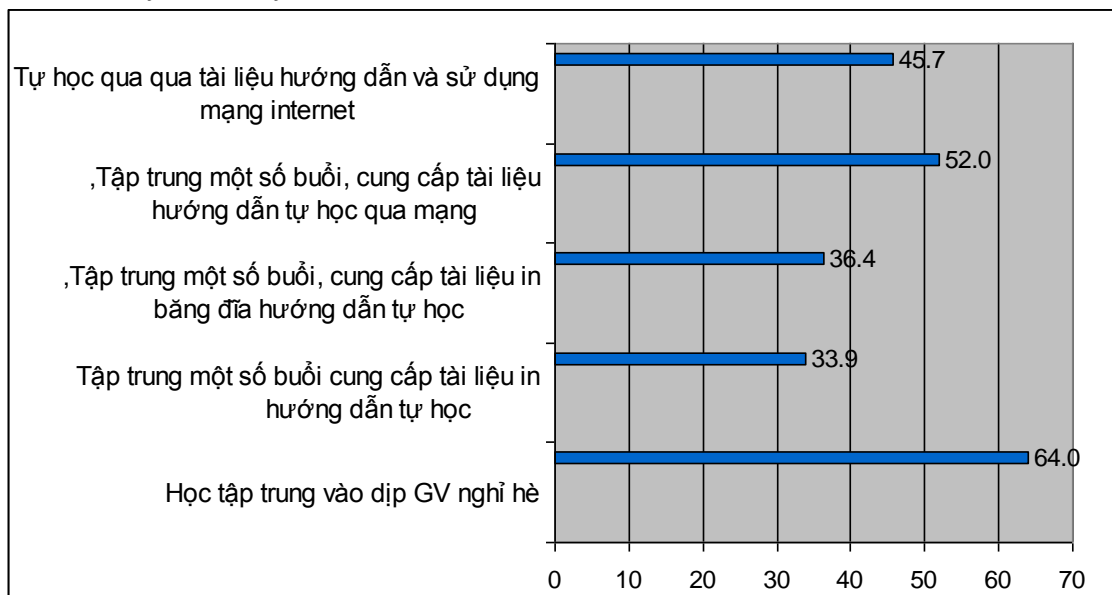
- *Thực trạng việc sử dụng CNTT trong dạy học :* Có 97,2% đã từng sử dụng CNTT vào dạy học. Tuy nhiên, vẫn có khoảng 25,5% GV thật sự không hứng thú chỉ ứng dụng khi

có yêu cầu từ lãnh đạo nhà trường hoặc tham gia hội giảng. Số GV tích cực khai thác, ứng dụng CNTT vào dạy học đa số là GV trẻ, công tác tại các trường ở thành phố có hạ tầng CNTT, mạng Internet tốt.

- *Thực trạng học liệu E-learning đáp ứng nhu cầu tự học, tự BD của GV TH*: Có 38,7% GV tìm kiếm thông tin trên mạng hàng ngày để học tập, BD phát triển chuyên môn. Tỷ lệ GV sử dụng Internet để tìm kiếm thông tin học tập, BD phát triển chuyên môn ngày càng cao, cho thấy, trên mạng đã có những nguồn tài liệu tương đối phong phú để GV khai thác. Những Website được GV truy cập tham khảo nhiều là: Violet, Thư viện mở, Đề thi, Học mãi... những Website này có nhiều giáo án điện tử, bài kiểm tra, đề thi và có những thông tin, hình ảnh để GV khai thác, bổ sung thêm cho bài giảng phong phú.

Có 69,6% GV cho rằng tài liệu trên mạng hiện nay là tương đối phong phú, phần nào đáp ứng được nhu cầu sử dụng; 85,3% có ý kiến tài liệu trên mạng hiện nay đa dạng, phong phú nhưng nhiều nội dung chưa đảm bảo, chưa được cơ quan có trách nhiệm đánh giá, thẩm định; 72,2% đánh giá tài liệu trên mạng hiện nay chưa có nhiều nội dung phù hợp để GV học tập theo yêu cầu BDTX.

- *Nhu cầu về học liệu E-Learning để tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH* : Đề tài luận án đã tiến hành tìm hiểu nhu cầu về học liệu E-learning để phục vụ tự học, tự BD của GVTH cho thấy: hiện nay có tới 88.5% ý kiến GVTH cho rằng cần phải xây dựng học liệu điện tử đưa lên mạng Internet; Xây dựng học liệu có nội dung đạt chuẩn, phù hợp với Chương trình BD thường xuyên cho GVTH do Bộ GD&ĐT ban hành 97.5%. Như vậy có thể thấy hiện nay nhu cầu của GVTH về học liệu điện tử để tự học, tự BD là rất cao.



Hình 1.4: Ý kiến của GVTH về hình thức BD

- *Nhu cầu học tập và BD của GVTH*: Kết quả khảo sát cho thấy hình thức BD truyền thống, tức là học tập trung hiện nay vẫn được GVTH lựa chọn nhiều nhất với tỷ lệ 60% ý kiến mong muốn BD tập trung vào dịp nghỉ hè. Tiếp đó là hình thức BD tập trung một số buổi, cung cấp tài liệu, hướng dẫn TH qua mạng Internet chiếm 52,0% và hình thức TH qua tài liệu hướng dẫn và sử dụng mạng Internet chiếm 45.7%.

#### 1.6.4. Đánh giá chung về thực trạng

##### 1.6.4.1. Ưu điểm

- Dựa trên Chuẩn nghề nghiệp của GVTH, Bộ GD&ĐT xây dựng được nội dung và tài liệu BD thường xuyên cho GVTH.

- Về tổ chức bồi dưỡng ngày càng đa dạng

- Bên cạnh các tài liệu BD truyền thống, trên mạng Internet hiện nay đã có các học liệu E-learning phục vụ cho nhu cầu tự học, tự BD của GVTH.

#### *1.6.4.2. Hạn chế và nguyên nhân*

- Tổ chức tập huấn chung cho tất cả các đối tượng GV do vậy gây nên lãng phí thời gian và tốn kém kinh phí, hiệu quả BD không cao, không thực sự đáp ứng nhu cầu của GV. Việc tổ chức chỉ đạo BD ở mỗi địa phương mỗi khác, không thống nhất, ở một số nơi còn mang tính hình thức nên chất lượng không cao.

- Chất lượng, hiệu quả BD chưa cao.

- GV tham gia BD không có đủ thời gian để nghiên cứu, tiếp thu tài liệu, nội dung BD do thời gian BD ngắn.

- Tài liệu tập huấn chưa được đảm bảo và đáp ứng nhu cầu.

- Học liệu E-learning trên mạng Internet để học, tự BD phát triển chuyên môn chưa phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn, chưa đa dạng và chưa được kiểm định về chất lượng.

### **Kết luận chương 1**

Kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn ở Chương 1 cho thấy:

- Các nghiên cứu đều đã khẳng định được những ưu điểm cũng như khả năng ứng dụng E-learning vào trong đào tạo và BD GV. Các khóa BD GV sẽ hiệu quả hơn khi tổ chức theo hình thức học kết hợp.

- Thiết kế hệ thống học liệu E-learning cần phải dựa trên nền tảng các lý thuyết học tập, đặc biệt cần lưu ý đến đặc điểm và nhu cầu học tập của GV.

- Công tác BD GVTH trong những năm vừa qua phần nào đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập, hiệu quả các khóa BD không cao; tài liệu BD thường xuyên còn ít, chủ yếu là các học liệu in truyền thống, khó bảo quản, cơ hội tiếp cận của GVTH còn nhiều hạn chế.

Như vậy, có thể khẳng định cần nghiên cứu thiết kế, xây dựng, phát triển học liệu E-learning để đáp ứng được nhu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH; với trình độ kiến thức, KN về CNTT của GVTH hiện nay họ hoàn toàn có đủ khả năng sử dụng, khai thác hệ thống học liệu E-learning để tự học, tự BD phát triển chuyên môn.

## **CHƯƠNG 2**

### **THIẾT KẾ HỆ THỐNG HỌC LIỆU E-LEARNING DÀNH CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DỰA VÀO CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG MẠNG**

#### **2.1. Thiết kế hệ thống học liệu E-learning dành cho giáo viên tiểu học**

##### **2.1.1. Nguyên tắc thiết kế**

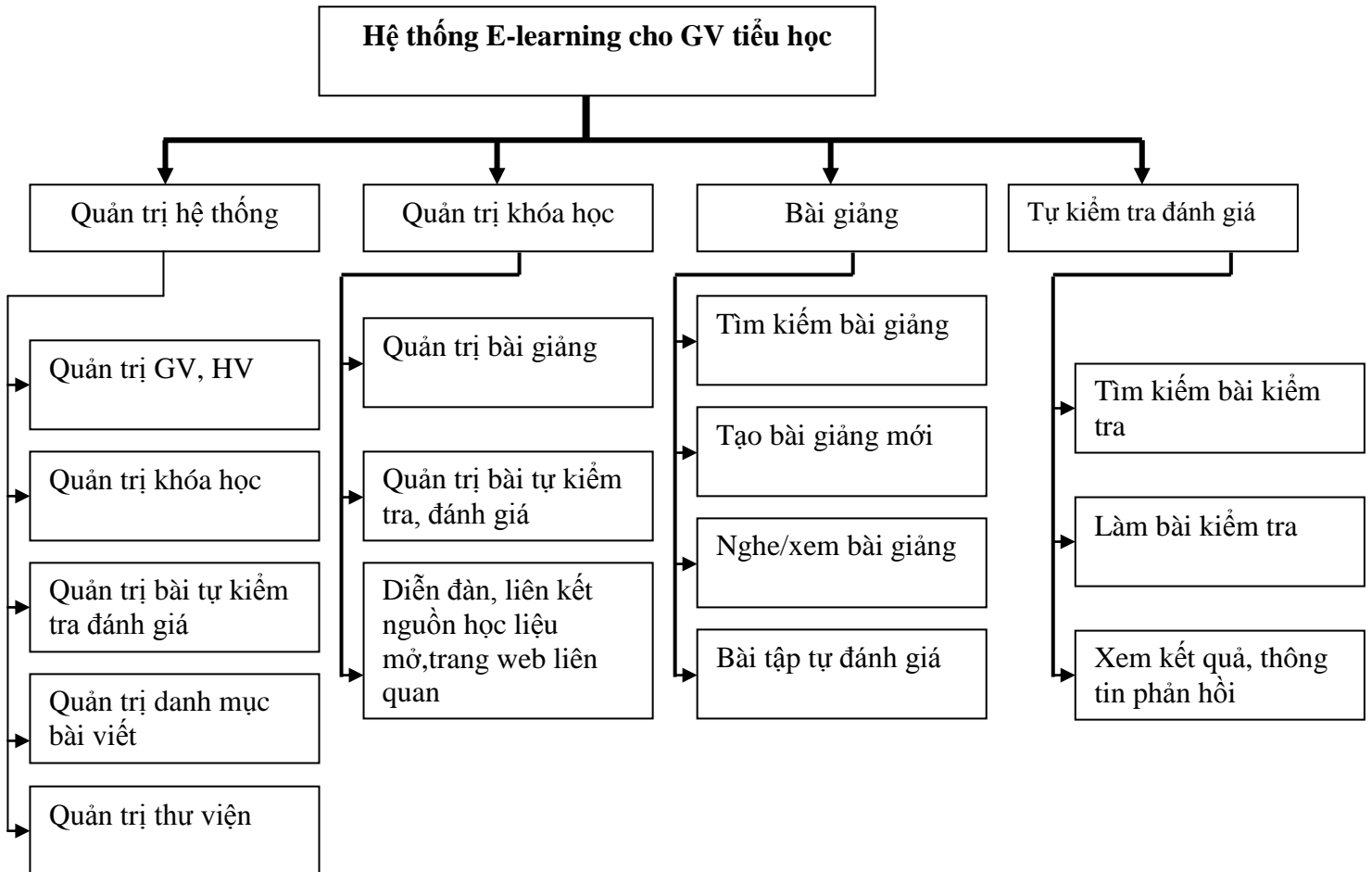
Căn cứ vào vai trò của hệ thống học liệu E-learning đối với quá trình tự học, tự bồi dưỡng của GVTH, hệ thống học liệu E-learning được xây dựng trên các nguyên tắc: Tính phong phú; *Tính tổ chức*; *Tính hiệu quả*; *Tính phân chia nội dung*; Tính dễ truy cập và linh hoạt; Tương thích với chuẩn; Tính tiện ích, dễ thích nghi.

##### **2.1.2. Quy trình thiết kế**

Hệ thống học liệu E-learning hỗ trợ quá trình tự học, tự bồi dưỡng của GVTH được thiết kế xây dựng theo quy trình : phân tích nhu cầu, thiết kế, xây dựng, thử nghiệm, đánh giá.

### 2.2.3.2. Cấu trúc của hệ thống

Vận dụng mô hình chức năng tổng thể của hệ thống E-learning và mô hình chức năng của hệ thống học liệu vào thiết kế, hệ thống học liệu E-learning cho GVTH có cấu trúc như sau như sau:



Hình 2.2: Sơ đồ cấu trúc của hệ thống E-learning cho GVTH

#### ■ Quản trị hệ thống:

*Quản trị người dùng (GV, HV):* Quản lý đăng ký tham gia học của HV.

- *Quản trị khóa học:* Đây là phần quan trọng của hệ thống học liệu E-learning dành cho GVTH. Quản trị khóa học cho phép người quản trị có thể thực hiện những công việc liên quan đến khóa học như: tạo mới, chỉnh sửa, xóa, thiết lập các chế độ (mở, ẩn, riêng tư).

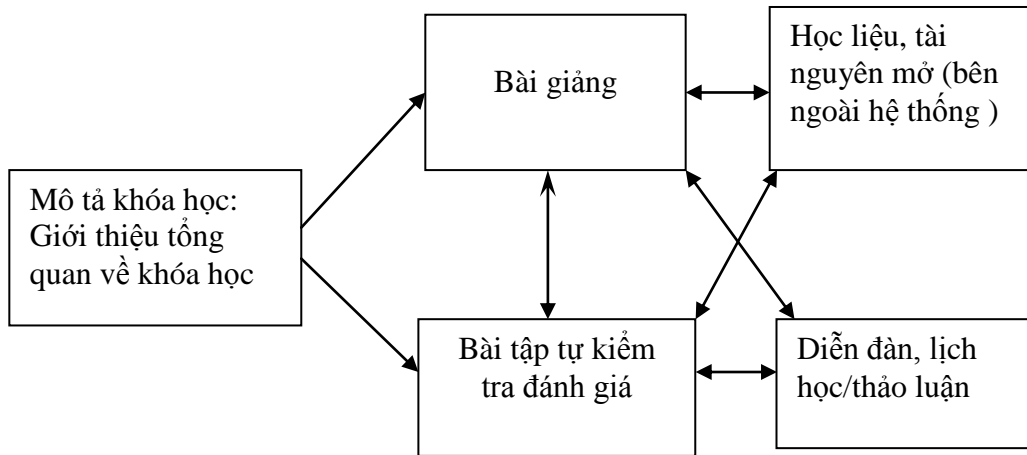
*Quản trị danh mục bài viết:* Quản quản trị danh mục các bài viết trong mục: Tin tức, Thông báo, Cảm nhận của HV,...

*Quản trị thư viện:* Hệ thống cho phép tạo ra và quản lý thư viện theo cách phân loại tài liệu, học liệu mà người quản trị mong muốn tạo thuận lợi cho HV khai thác, sử dụng

Mỗi khóa học của hệ thống được thiết kế xây dựng là một mô đun độc lập, dễ dàng cập nhật thay đổi về nội dung khóa học.

Toàn bộ học liệu trong các khóa học được tổ chức như hình 2.11 dưới đây:





Hình 2.6: Tổ chức học liệu trong khóa học

Học liệu trong các khóa học được tổ chức một cách thống nhất cho tất cả các khóa học. Mở đầu là mô tả khóa học, trong phần này sẽ giới thiệu tổng quan về khóa học, mục tiêu, các điều kiện tiên quyết để tham gia khóa học.

### 2.3. Minh họa học liệu E-learning qua tài liệu mô đun số hóa dựa vào công nghệ Web và mạng Internet

#### 2.3.1. Mô tả nội dung một số mô đun bồi dưỡng thường xuyên

- Mô đun 1: Mạng internet –Tìm kiếm và khai thác thông tin [35]
- Mô đun 2: Ứng dụng phần mềm trình diễn Microsoft PowerPoint trong dạy học [34]
- Mô đun 3: Sử dụng phần mềm giáo dục để dạy học tiểu học [33]
- Mô đun 4: Một số vấn đề cơ bản về tâm lý học dạy học tiểu học [18]
- Mô đun 5: Một số vấn đề tâm lý HS giỏi, học năng khiếu, HS yếu kém và HS đặc biệt [26]

#### 2.3.2. Một số ví dụ minh họa

##### Khóa học 1: ICT cho GV tiểu học

1) **Mô tả khóa học:** Giới thiệu tổng quan về khóa học và mục tiêu khóa học.

Về kiến thức:

- Nắm được kiến thức về mạng Internet và cách sử dụng một trình duyệt web.
- Liệt kê được các kiến thức về nội dung, phương pháp và công nghệ trong mối liên quan giữa chúng để có phương pháp và KN ứng dụng CNTT vào trong dạy học.
- Phân tích được cơ sở lý luận và vận dụng kỹ thuật WebQuest vào dạy học.
- Sử dụng được các tính năng cơ bản của phần mềm trình diễn Microsoft PowerPoint để tạo ra được tệp tin trình diễn phục vụ cho việc dạy học ở tiểu học.
- Biết cách sử dụng bản đồ tư duy.
- Biết cách tìm kiếm thông tin trên Internet.
- Biết cách gửi và nhận thư điện tử.

Về KN:

- Tìm kiếm được thông tin trên mạng.
- Nhận và gửi được thư điện tử.
- Thiết kế được WebQuest.
- Thiết kế được bản đồ tư duy trong dạy học

2) **Các bài giảng:** khóa học được thiết kế gồm 7 bài giảng sau:

- Bài 1: Tìm hiểu về mạng Internet.

- Bài 2: Hướng dẫn sử dụng trình duyệt
- Bài 3: Cơ sở lý luận về ứng dụng CNTT&TT trong dạy học.
- Bài 4: Hướng dẫn sử dụng PowerPoint.
- Bài 5: WebQuets trong dạy học.
- Bài 6: Sử dụng phần mềm I MindMap.
- Bài 7: Giới thiệu một số trang web hỗ trợ dạy học.

**3) Bài tập:** khóa học bao gồm 5 bài tập dưới đây:

- Bài trắc nghiệm kiến thức về mạng Internet.
- Bài trắc nghiệm kiến thức về sử dụng trình duyệt và email.
- Bài trắc nghiệm kiến thức ứng dụng CNTT trong dạy học.
- Bài trắc nghiệm kiến thức về sử dụng Powerpoint.
- Bài trắc nghiệm kiến thức về sử dụng WebQuest.

**3) Học liệu:** Ngoài bài giảng bài tập trên, nội dung khóa học còn tích hợp với nguồn học liệu mở, tài nguyên trên các mạng xã hội liên quan như:

- Hướng dẫn tải, cài đặt trình duyệt
- Hướng dẫn sử dụng email
- Một số video hướng dẫn sử dụng violet
- Một số video hướng dẫn sử dụng powerpoint
- Hướng dẫn sử dụng eMindmap.

## **Khóa học 2: Tâm lý HS tiểu học và dạy học ở tiểu học**

**1) Mô tả khóa học:** Giới thiệu nội dung cơ bản của khóa học, mục tiêu khóa học:

*Về kiến thức:*

- Nâng cao trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, yêu quý tôn trọng trẻ em.
- Hiểu được những nét đặc trưng về tâm lý của trẻ em lứa tuổi HS tiểu học.
- Biết rõ đặc điểm của hoạt động học của HS và hoạt động dạy của GV, đồng thời biết rõ được mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động dạy, hoạt động học với sự phát triển tâm lý HS.
- Phát biểu được đặc điểm tâm lý HS cá biệt, HS yếu kém, HS giỏi và HS năng khiếu để vận dụng trong dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng HS.
- Nêu được nguyên tắc, quy trình chung và những điều kiện cần thiết trong việc tổ chức tìm hiểu tâm lý HS.

*Về KN:*

- Sử dụng được một số phương pháp, kỹ thuật đơn giản, ứng dụng vào tìm hiểu đặc điểm tâm lý của HS cá biệt, HS yếu kém, HS giỏi và năng khiếu.
- Đưa ra được các cách thức riêng, phù hợp để tìm hiểu đặc điểm tâm lý HS cá biệt, HS yếu kém, HS giỏi và HS năng khiếu ở mức độ nhất định.

**2) Các bài giảng của khóa học:**

- Bài 1: GV tiểu học và dạy học ở tiểu học
- Bài 2: Các cấp độ phát triển tâm lý và hoạt động học của học sinh tiểu học.
- Bài 3: Đặc điểm tâm lý HS giỏi, HS năng khiếu, HS yếu kém và HS đặc biệt.
- Bài 4: Hoạt động dạy của GV và giải pháp sư phạm.
- Bài 5: Chất lượng dạy và học, cách đánh giá kết quả dạy và học.

**3) Các bài tập:** Khóa học bao gồm 5 bài tập sau:

- Bài tập tìm hiểu về GV tiểu học và dạy học ở tiểu học.

- Bài trắc nghiệm về tâm lý HS tiểu học.
- Bài tập trắc nghiệm về tâm lý HS giỏi, HS năng khiếu, HS yếu kém và HS đặc biệt.
- Bài tập về đổi mới phương pháp dạy học.
- Bài trắc nghiệm đánh giá kết quả dạy và học.

**4) Học liệu:** bài tập của khóa học được liên kết đến nguồn học liệu mở và tài nguyên trên các mạng xã hội:

- Các file video/Audio có nội dung liên quan đến các nội dung về tâm lý học đại cương.
- Tài liệu tham khảo định dạng text, pdf, powerpoint có nội dung liên quan đến tâm lý HS tiểu học, dạy học ở tiểu học và đánh giá kết quả học tập của HS.

### **Khóa học 3: Mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN)**

**1) Mô tả khóa học:** Giới thiệu tổng quan về nội dung cơ bản của khóa học, mục tiêu khóa học, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thái độ:

*Về kiến thức:*

- Hiểu được thế nào là Mô hình trường học mới Việt Nam
- Biết cách tổ chức dạy học theo Mô hình trường học mới Việt Nam và tổ chức dạy học theo nhóm.
- Hiểu được vai trò của góc học tập, bản đồ cộng đồng và thư viện lớp học

*Về KN:*

- Tổ chức cho HS bầu được hội đồng tự quản của lớp học
- Tổ chức cho HS tự học theo nhóm, thực hiện đúng các bước học tập trong Mô hình trường học mới.
- Xây dựng được góc học tập, bản đồ cộng đồng.
- Đánh giá được học sinh học theo Mô hình trường học mới.

**2) Bài giảng:** Khóa học bao gồm các bài giảng sau:

- Bài 1: Mô hình trường tiểu học mới là gì?
- Bài 2: Tổ chức lớp học theo Mô hình trường học mới Việt Nam
- Bài 3: Tổ chức dạy học theo nhóm.
- Bài 4: Góc học tập và vai trò của góc học tập.
- Bài 5: Thư viện lớp học trong mô hình trường học mới.
- Bản đồ cộng đồng và tầm quan trọng của bản đồ cộng đồng.
- Hướng dẫn dạy môn Khoa học lớp 5.

**3) Bài tập khóa học:**

- Bài tập về tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới.
- Bài tập về dạy học theo mô hình trường học mới.
- Bài tập về vai trò của góc học tập, góc thư viện và bản đồ cộng đồng.
- Bài tập trắc nghiệm kiểm tra, đánh giá học sinh theo mô hình trường học mới.

**4) Học liệu:** Khóa học này hệ thống liên kết đến các nguồn tài nguyên, học liệu mở sau:

- Video tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới (bầu hội đồng tự quản, trang trí lớp học, xây dựng bản đồ cộng đồng...).
- Một số video về dạy học theo mô hình trường học mới (các tiết dạy minh họa như dạy Toán, Tiếng Việt...).
- Các bài viết về đánh giá theo mô hình trường học mới; đổi mới kiểm tra đánh giá được đăng trên các báo chuyên ngành và các diễn đàn.

## 2.4. Nguyên tắc và các hình thức sử dụng học liệu E-learning

### 2.4.1. Một số nguyên tắc sử dụng

*Nguyên tắc 1:* Phù hợp với nhu cầu tự học, tự BD thường xuyên phát triển chuyên môn, với hoạt động nghề nghiệp của GVTH.

*Nguyên tắc 2:* Đảm bảo phù hợp với đặc điểm học tập của GVTH, tức là phù hợp với đặc điểm học tập của NL, người trưởng thành.

*Nguyên tắc 3:* Đảm bảo hình thành kiến thức, KN theo như mục tiêu của khóa học.

*Nguyên tắc 4:* Khai thác kinh nghiệm đã có của GVTH.

*Nguyên tắc 5:* Khai thác các điểm mạnh CNTT, đặc biệt là công nghệ Internet trong quá trình học .

### 2.4.2. Các hình thức giáo viên tiểu học sử dụng hệ thống học liệu E-learning để tự học, tự bồi dưỡng

#### 2.4.2.1. Hình thức 1: Giáo viên tiểu học tự học với học liệu điện tử đã được xây dựng

Hệ thống học liệu E-learning được thiết kế xây dựng như trên rất thuận tiện cho GVTH tự học, tự bồi dưỡng không cần có GV hướng dẫn. Với hình thức này hệ thống học liệu E-learning được người quản trị mạng để ở chế độ “mở”, mang tính chất là một hệ thống công cộng (public). Khi ở chế độ này hệ thống học liệu sẽ có một số đặc điểm như sau:

- GVTH không cần phải đăng ký trở thành thành viên của hệ thống vẫn có thể học được.
- Các diễn đàn hoàn toàn mở, giáo viên có thể tự do tham gia thảo luận, viết bài bất cứ khi nào có nhu cầu.
- Nội dung, học liệu các khóa học hoàn toàn mở, tất cả những ai truy cập vào đều có thể khai thác.
- Khi người học làm bài tập và bài tự kiểm tra đánh giá sẽ không được hệ thống lưu kết quả.
- Khi truy cập vào hệ thống GVTH là người học hoàn toàn tự do thảo luận nhưng không thể tham gia kết bạn hình thành nhóm học tập được.

Như vậy, với những đặc điểm ở chế độ “mở” như trên thì GVTH hoặc bất kỳ ai có nhu cầu đều có thể truy cập vào hệ thống học liệu, hoàn toàn tự mình tìm kiếm, khai thác học liệu để tự học tập theo nhu cầu cá nhân, theo phương châm “cần gì học nấy”.

#### 2.4.2.2. Hình thức 2: Giáo viên tiểu học tự học theo các khóa học đã được xây dựng

Sau khi đăng ký tham gia khóa học, được chấp nhận của người quản trị khóa học, GVTH trở thành HV của khóa học. HV cần tiến hành học theo các bước như sau:

**Bước 1:** Nghiên cứu phần Mô tả khóa học

**Bước 2:** HV làm bài tập trắc nghiệm kiểm tra kiến thức trước khi học.

**Bước 3:** Tự học, tự nghiên cứu các bài học trong khóa học, khi tự học, HV cần học như sau:

- Trả lời câu hỏi của bài tập gắn kết với bài học;
- Xem thông tin phản hồi, lưu ý những nội dung trả lời sai;
- Nghiên cứu các nội dung bài học, chú ý đến những nội dung đã trả lời sai trong phần bài tập. Thông thường những nội dung trả lời sai có chữ màu đỏ, trả lời đúng chữ màu xanh.
- Xem các video minh họa cho phần lý thuyết (nếu có trong bài), các tiết dạy minh họa đã được xây dựng hoặc tích hợp trong bài giảng;
- Làm lại bài tập liên quan đến nội dung bài học.

**Bước 4:** Tham gia diễn đàn thảo luận, trao đổi các nội dung, chia sẻ để giải quyết những khó khăn trong quá trình học tập, kinh nghiệm giảng dạy,..

**Bước 5:** Kết thúc khóa học, HV tự làm lại các bài tập để tự kiểm tra đánh giá lại kiến thức sau khi tham gia khóa học, đối chiếu với mục tiêu khóa học xem đã đáp ứng được mục tiêu chưa.

**2.4.2.3. Hình thức 3: Tự học theo các khóa học đã được thiết kế có sự hỗ trợ của giáo viên/người quản lý khóa học**

Đây là hình thức tự học có hướng dẫn của GV. Với hình thức học tập này, người học cần phải đăng ký tham gia khóa học và cần được sự chấp thuận của giáo viên hoặc người quản lý khóa học. Khi đó hệ thống học liệu E-learning có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Khóa học được người quản trị hệ thống đặt ở chế độ “khóa học riêng tư”, tức là chỉ dành riêng cho những người được chấp nhận tham gia khóa học. Khi đó một HV có thể được chấp nhận tham gia khóa học này nhưng không được chấp nhận tham gia khóa học khác.

- Bài giảng của khóa học, học liệu, bài tập luôn được cập nhật đáp ứng theo nhu cầu của HV tham gia khóa học.

- Các nội dung thảo luận, bài viết, kết quả làm bài tập của HV được lưu lại, mỗi bài tập được hệ thống tạo một bảng điểm cho các HV tham gia khóa học.

- GV, người quản trị khóa học có thể lập kế hoạch để trao đổi, thảo luận, giải đáp những thắc mắc của HV. Có thể hẹn giờ để thảo luận trực tuyến. Như vậy với hình thức học tập này mọi nhu cầu, khó khăn, thắc mắc của HV sẽ được giải quyết kịp thời.

- Bài tập tự kiểm tra đánh giá của HV có thể là những bài viết gửi về cho GV, người quản trị chấm điểm sau đó gửi thông tin phản hồi cho HV. Các bước học:

- Khi học theo hình thức học này, HV cần học theo 5 bước học tập ở hình thức 2 nêu trên.

- Thực hiện bài tập, thảo luận nhóm theo kế hoạch GV, người quản trị khóa học đã xây dựng.

- Với bước 5 tham gia diễn đàn, thảo luận HV cần chủ động đề xuất nội dung thảo luận mới qua mục Tạo chủ đề mới của diễn đàn để các HV tham gia khóa học cùng nhau trao đổi, thảo luận để tìm ra giải pháp. Những chủ đề HV tạo ra để thảo luận cần: liên quan đến nội dung khóa học; những khó khăn gặp phải trong quá trình học cần trợ giúp; những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn mà muốn giải quyết được cần phải huy động đến kiến thức, KN của khóa học,...

Hình thức này cũng yêu cầu phải có GV, người quản lý trực tiếp khóa học, theo dõi quá trình học của HV, đồng thời hệ thống cũng lưu trữ, đánh giá được kết quả học của HV.

### **Kết luận chương 2**

Từ nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của chương 1, chương 2 luận án đã tập trung vào nghiên cứu xây dựng hệ thống học liệu E-learning đáp ứng yêu cầu tự học, tự BD của GVTH. Những kết quả nghiên cứu trong chương này gồm: Xác định được các nguyên tắc thiết kế hệ thống học liệu E-learning dành cho GVTH; Xác định được quy trình thiết kế và xây dựng học liệu; Xây dựng học liệu 03 khóa học minh họa; Đề xuất các nguyên tắc để GVTH khai thác học liệu E-learning để tự học, tự BD; Đề xuất được các hình thức GVTH sử dụng hệ thống học liệu E-learning để tự học, tự bồi dưỡng.

## **CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM**

### **3.1. Tổ chức thực nghiệm**

#### **3.1.1. Mục đích thực nghiệm**

- Thiết kế và xây dựng học liệu E-learning như vậy có phù hợp với đặc điểm và nhu cầu học tập của GVTH không?

- Học liệu E-learning đã có tác động như thế nào đến quá trình tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH?

### **3.1.2. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực nghiệm**

*Đối tượng thực nghiệm:* GV tiểu học đang giảng dạy từ lớp 1 đến lớp 5.

*Địa bàn thực nghiệm:* 02 trường tiểu học ở Hà Nội, 03 trường tiểu học Nam Định, 02 trường tiểu học Thái Bình, 03 trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh, 06 trường ở Thành phố Đà Nẵng (phụ lục 4).

*Thời gian thực nghiệm:* Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 2 năm 2015.

**3.1.3. Nội dung thực nghiệm :** Thực nghiệm đánh giá về thiết kế và xây dựng hệ thống học liệu E-learning; đánh giá về các chức năng, tương tác của hệ thống học liệu E-learning; đánh giá cách thức tổ chức, nội dung học liệu; đánh giá về biện pháp GVTH khai thác học liệu để tự học, tự BD; đánh giá tác động của học liệu đến quá trình và kết quả tự học, tự BD và các hoạt động chuyên môn khác của GVTH; Đánh giá tính khả thi của hệ thống học liệu.

**3.1.4. Phương pháp tiến hành thực nghiệm:** Phương pháp quan sát; Phương pháp tọa đàm; Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

## **3.2. Kết quả thực nghiệm**

### **3.2.1. Thực nghiệm vòng một:**

*Mục đích thực nghiệm vòng 1:* Thực nghiệm vòng 1 nhằm đánh giá thiết kế và tổ chức hệ thống học liệu, các chức năng của hệ thống học liệu E-learning, phát hiện những khó khăn GVTH có thể gặp phải trong quá trình sử dụng để tự học, tự BD từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp hơn trước khi thực nghiệm vòng 2.

*Phương pháp:* Quan sát GVTH sử dụng hệ thống học liệu E-learning để tự học, tọa đàm với chuyên gia về CNTT về những khó khăn GVTH gặp phải trong quá trình tự học để điều chỉnh về thiết kế, tổ chức học liệu cho phù hợp.

*Cách thức tổ chức:* Bố trí nhóm 10 GV cùng với 02 cán bộ nghiên cứu giáo dục am hiểu về CNTT. Tổ chức cho GVTH và cán bộ nghiên cứu cùng sử dụng hệ thống E-learning để tự học theo 3 hình thức do luận án đề xuất.

*Những phát hiện trong thực nghiệm:* Trong quá trình GVTH sử dụng để tự học, tham gia thảo luận diễn đàn, nhóm thực nghiệm đã phát hiện ra một số vấn đề về tương tác, cách bố trí giao diện, lỗi hệ thống. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành chỉnh sửa, viết thêm hướng dẫn sử dụng hệ thống để tự học bổ sung vào mục “Những câu hỏi thường gặp” của hệ thống học liệu E-learning để HV tra cứu và có thể tự mình đăng ký, tham gia học một cách thuận lợi.

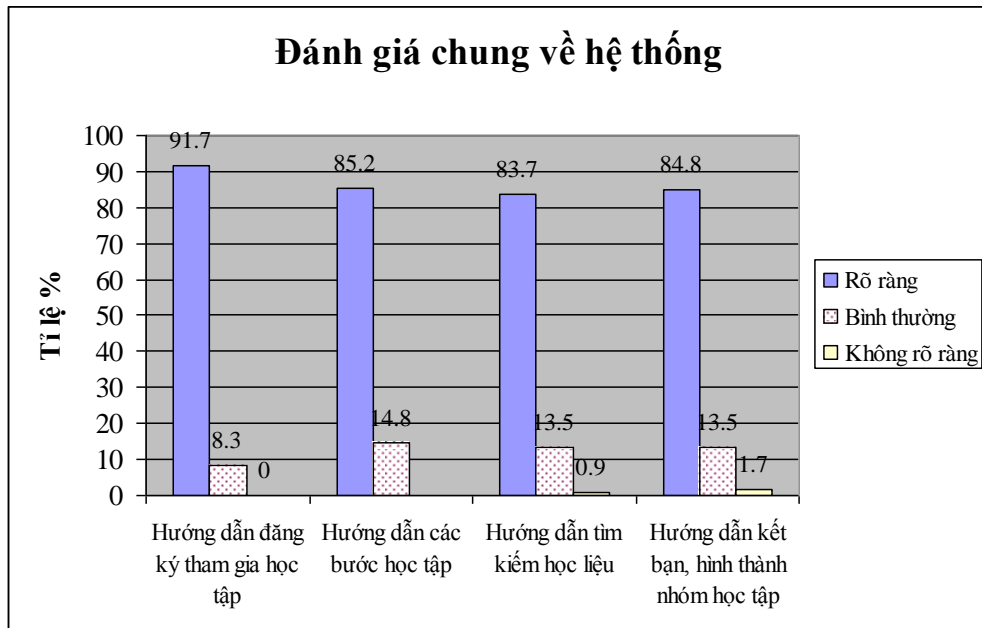
### **3.2.2. Kết quả thực nghiệm vòng hai**

Tổng số phiếu khảo sát 250 phiếu. Trong qua trình xử lí số liệu, luận án đã phân tích đề tài theo trình độ đào tạo, độ tuổi, địa bàn dạy học của GV

#### **3.2.2.1. Đánh giá về học liệu và khả năng sử dụng học liệu E-learning của GVTH**

- Đánh giá về giao diện, cách trình bày của hệ thống: Với kết quả xin ý kiến đánh giá như trên cho thấy giao diện và cách trình bày của hệ thống E-learning được thiết kế xây dựng là phù hợp với GVTH, không có ý kiến đánh giá không phù hợp.

- Đánh giá chung về hệ thống:



Hình 3.1: Đánh giá chung về hệ thống E-learning

Hình 3.1. cho thấy tỉ lệ % các ý kiến đánh giá. Đối với mỗi nội dung xin ý kiến đánh giá, nhóm nghiên cứu phân làm 3 mức độ: rõ ràng, tương đối rõ ràng, không rõ ràng. Hệ thống E-learning đã được thiết kế xây dựng nhìn chung là phù hợp với trình độ sử dụng của GVTH hiện nay. Hầu hết các GV có nhu cầu đều có thể tự đăng ký học tập, thực hiện đúng các bước tự học, tham gia kết bạn, hình thành nhóm học tập. Đánh giá về cách thức tổ chức nội dung, học liệu trong các khóa học.

Kết quả xin ý kiến đánh giá cho thấy với cách tổ chức học liệu trong các khóa học của hệ thống E-learning là phù hợp, thuận lợi cho GVTH có thể tự học. Nội dung cung cấp trong các khóa học là phù hợp với mục tiêu khóa học. Về cách phân chia nội dung, bài giảng chiếm tỉ lệ % cao, ý kiến GVTH đánh giá ở 2 mức phù hợp và tương đối phù hợp. Có 80,4% ý kiến GV cho rằng các bài kiểm tra đánh giá đã giúp cho GV tự đánh giá được kiến thức của mình trước khi học, 18,7% phân vân chưa thể khẳng định được và 0,9% không đồng ý với quan điểm nêu trên.

Về mức độ phù hợp, cách chấm điểm, đưa ra kết quả và thông tin phản hồi đối với người học của hệ thống có 64,7% GV đánh giá là phù hợp và 0,9% cho rằng chưa phù hợp với người học. 34,3% GV phân vân chưa đánh giá được. Có tới 78,3% GV đánh giá nguồn tài nguyên, học liệu mở trên mạng được liên kết là phù hợp với nhu cầu của họ, 20,4% ý kiến còn phân vân chưa khẳng định được và 1,3% ý kiến đánh giá không phù hợp. 85,2% ý kiến GVTH đánh giá nội dung, cách thiết kế xây dựng khóa học đã phản ánh được những đặc trưng của giáo dục tiểu học, phù hợp với nhu cầu học tập, BD phát triển chuyên môn.

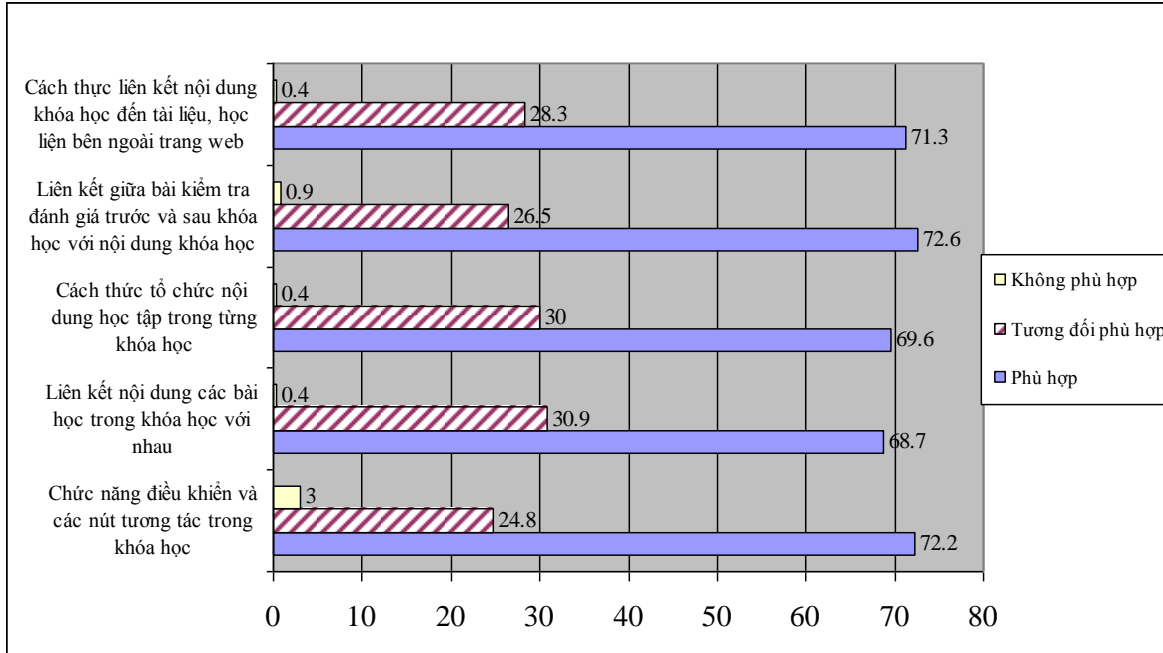
Qua phân tích các ý kiến đánh giá học liệu và hệ thống E-learning dành cho GVTH trên đây có thể đi đến một số kết luận sau:

- + Học liệu E-learning đã được thiết kế, xây dựng có nội dung phù hợp với nhu cầu tự học, tự BD của GVTH. Nội dung học tập trong các khóa học là phù hợp với mục tiêu khóa học, phù hợp với nhu cầu tự học của GVTH. Các bài tập được thiết kế có tác dụng định hướng cho GVTH tự học, tự BD.

- + Ngoài những học liệu được thiết kế xây dựng, nguồn tài nguyên, học liệu mở trên mạng được liên kết với các bài học, bài kiểm tự kiểm tra đánh giá được GVTH đánh giá cao, là nguồn học liệu phong phú để GVTH tự học, tự BD.

+ Hệ thống E-learning được thiết kế có kiến trúc, giao diện phù hợp, thuận tiện cho GVTH khai thác, sử dụng học liệu trong quá trình học tập. GVTH có thể tự mình đăng kí tham gia học tập.

+ Học liệu đã được thiết kế và hệ thống E-learning dành cho GVTH được xây dựng có thể áp dụng được vào trong thực tiễn, mang tính khả thi cao.



Hình 3.2: Ý kiến đánh giá về tổ chức nội dung học liệu

### 3.2.2.2. Tác động của học liệu E-learning đến quá trình học tập của giáo viên

Để đánh giá những tác động của học liệu E-learning và hệ thống E-learning đến tự học, tự BD của GVTH luận án đã xin ý kiến đánh giá của GV về các khía cạnh sau:

+ Tự học qua mạng giúp GV chủ động về thời gian, địa điểm học để tự học tập, tự BD.  
 + Tự học qua mạng hấp dẫn GV hơn do có hình ảnh, âm thanh.  
 + Tự học qua mạng tăng khả năng tương tác chia sẻ thông tin giữa các GV, hấp dẫn hơn.

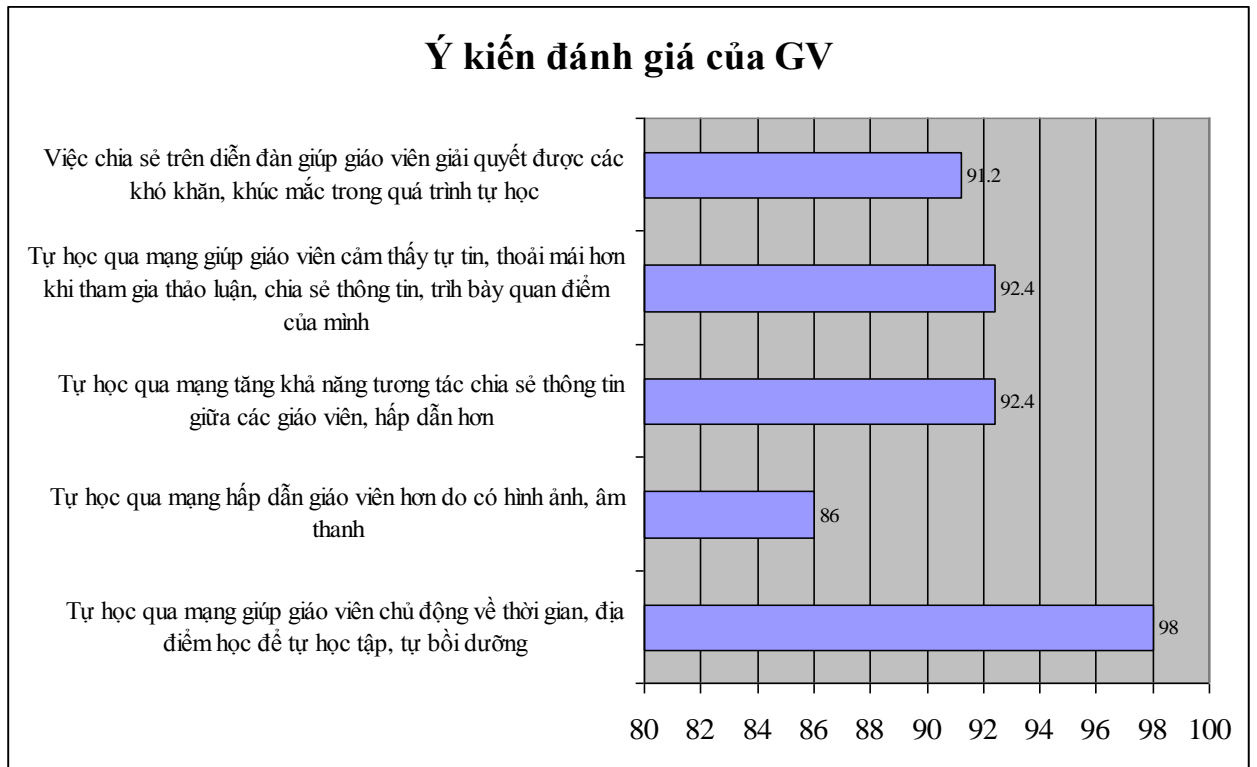
+ Tự học qua mạng giúp GV cảm thấy tự tin, thoải mái hơn khi tham gia thảo luận, chia sẻ thông tin, trình bày quan điểm của mình.

+ Việc chia sẻ trên diễn đàn giúp GV giải quyết được các khó khăn, khúc mắc trong quá trình tự học.

+ Có đến 98% ý kiến GVTH cho rằng tự học, tự BD qua mạng giúp cho GV chủ động được thời gian, địa điểm để học tập. Đây cũng là một trong những thuận lợi giúp cho GV có thể tự học, tự BD mà không cần phải nghỉ giảng dạy.

+ Hình 3.3 cho thấy có đến 92,4 % ý kiến đánh giá tự học qua mạng giúp GVTH cảm thấy tự tin, thoải mái hơn khi tham gia vào diễn đàn (phòng học ảo), tham gia thảo luận chia sẻ thông tin, không ngần ngại nêu lên các quan điểm của mình. Trong quá trình tự học, tự BD, GVTH không thể tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là tự học trong môi trường E-learning, môi trường học tập mới, có tới 91,2% ý kiến đánh giá của GVTH cho rằng nhờ có thể tham gia diễn đàn chia sẻ thông tin và thảo luận đã giúp GV giải quyết được những khó khăn trong quá trình học.





*Hình 3.3: Đánh giá tác động lên quá trình tự học*

Kết quả nghiên cứu cho thấy có tới 92,4% ý kiến GV cho rằng tự học qua mạng tăng khả năng tương tác, chia sẻ thông tin, hấp dẫn GV hơn. Tương tác của GV với học liệu điện tử cùng với tương tác giữa GV với GV làm cho việc học tập trở nên hấp dẫn hơn. Trong môi trường giảng dạy, học tập bình thường, GV chỉ có thể trao đổi, thảo luận những vấn đề chuyên môn với đồng nghiệp ở trường học, trong sinh hoạt tổ chuyên môn nhưng với hệ thống E-learning GV có thể trao đổi, thảo luận với GV là rộng mở trên phạm vi toàn quốc.

Một trong những yếu tố thu hút đối với học tập qua mạng đó là nhờ có âm thanh và hình ảnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với GVTH âm thanh, hình ảnh có sức thu hút tương đối cao, chiếm tới 86% ý kiến. Tuy nhiên đối với GVTH là những người có trình độ thì tỉ lệ % ý kiến đánh giá tác động này là thấp nhất so với tất cả các yếu tố còn lại.

Luận án cũng phân tích những yếu tố tác động trên theo độ tuổi và thực hiện kiểm định giả thuyết Ho. Kết quả kiểm định giả thuyết Ho “Tự học qua mạng có hình ảnh, âm thanh hấp dẫn GV hơn” có  $P < 0,05$ . Như vậy, với số mẫu đã chọn trong nghiên cứu này cho thấy có mối liên hệ giữa độ tuổi với yếu tố tác động là hình ảnh và âm thanh ít hấp dẫn đối với GV dưới 25 tuổi.

Kết quả phân tích tác động theo trình độ đào tạo cho thấy đối với yêu tố “tự học qua mạng giúp cho GV chủ động về mặt thời gian và địa điểm” có tỉ lệ % chênh lệch lớn giữa GVTH có trình độ đào tạo khác nhau, 100% GV trình độ thạc sĩ đồng ý với quan điểm trên, ngược lại chỉ có 80% trình độ đào tạo THSP đồng ý với quan điểm trên. Kiểm tra giả thuyết Ho trong trường hợp này  $H_o = 0,03 < 0,05$  bị bác bỏ. Như vậy, có mối liên hệ phụ thuộc giữa trình độ đào tạo với quan điểm trên, trình độ THSP có tỉ lệ đánh giá tự học qua mạng giúp GVTH có thể chủ động về thời gian và địa điểm ở mức thấp nhất (80%).

có tỉ lệ 97,4% ý kiến GV vùng nông thôn đánh giá “Tự học qua mạng giúp GV cảm thấy tự tin, thoải mái hơn khi tham gia thảo luận, chia sẻ thông tin, trình bày quan điểm của mình”, trong khi đó thành phố là 90,2%. Kiểm định giả thuyết Ho có  $P = 0,05$ . nếu độ tin

cây là 95% thì trong nghiên cứu này với mẫu đã chọn có thể bác bỏ giả thuyết Ho, nghĩa là có mối liên hệ giữa yếu tố tác động trên đối với GV dạy ở 2 vùng khác nhau.

### 3.2.2.3. Tác động của học liệu E-learning đến kết quả học tập của GV

Để đánh giá tác động của học liệu E-learning đến kết quả học tập của GVTH, đề tài luận án đã xin ý kiến đánh giá tác động lên kết quả học tập trên một số yếu tố sau:

- Hệ thống E-learning giúp GV cập nhật các kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhanh nhất.
- Hệ thống E-learning góp phần giải quyết những khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu để tự học, tự BD của GV.
- Tự học với E-learning giúp GV tăng cơ hội thường xuyên nâng cao kiến thức và nghiệp vụ sư phạm.
- Thông qua học tập trên mạng việc ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường của GV đạt hiệu quả hơn.
- Tự học, tự BD qua mạng giúp GV giải quyết công việc chuyên môn tốt hơn.

Bảng 3.9: Đánh giá tác động đến kết quả học tập của GV

Tác động đến kết quả học tập của GV	Tỉ lệ % đồng ý
Hệ thống E-learning giúp GV cập nhật các kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhanh nhất	78,4
Hệ thống E-learning góp phần giải quyết những khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu để tự học, tự BD của GV	82,4
Tự học với E-learning giúp GV tăng cơ hội thường xuyên nâng cao kiến thức và nghiệp vụ sư phạm hơn	87,6
Thông qua học tập trên mạng việc ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường của GV đạt hiệu quả hơn	92,4
Tự học, tự BD qua mạng giúp GV giải quyết công việc chuyên môn tốt hơn	90,0

Kết quả bảng 3.9 cho thấy có 78,4 % ý kiến GV cho rằng hệ thống E-learning giúp cho họ cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ một cách nhanh nhất. Học liệu điện tử với tính chất dễ dàng cập nhật, chia sẻ trên mạng, khác biệt so với học liệu truyền thống chính vì vậy khi GV sử dụng hệ thống E-learning để học tập sẽ tiếp cận được với những nguồn thông tin mới một cách nhanh chóng nhất do hệ thống luôn cập nhật các thông tin mới liên quan đến hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục tiểu học. Ngoài ra, trong quá trình học nếu GV cảm thấy có thông tin, nội dung mới hoặc yêu thích có thể chia sẻ tài liệu cho bạn bè, đồng nghiệp thông qua E-mail, Facebook, Tweet,..giúp bạn bè và đồng nghiệp cập nhật được thông tin một cách nhanh nhất ví dụ như: các bài viết, thảo luận về đổi mới kiểm tra đánh giá; đánh giá theo Thông tư 30; về Mô hình trường học mới Việt Nam,...

Với học liệu E-learning trên mạng, GV có thể tìm kiếm để học tập một cách nhanh chóng thông qua các công cụ tìm kiếm. GV chỉ cần có máy tính hoặc điện thoại thông minh kết nối mạng Internet là GV có thể tìm kiếm để học tập khi nào có nhu cầu chính vì vậy có tới 82,4% ý kiến GV đánh giá “Hệ thống E-learning đã góp phần giải quyết những khó khăn của GV trong việc tìm kiếm tài liệu phục vụ tự học, tự BD”. Khi được hỏi về 3 điều GV cảm thấy thích nhất khi sử dụng học liệu của hệ thống E-learning thì có 37% ý kiến chỉ ra rằng thích nhất là dễ dàng trong việc tìm kiếm, truy cập tài liệu học tập, sự kết nối giữa nội dung bài giảng với những nguồn tài nguyên mở, các trang web khác giúp GV có nguồn học liệu phong phú mà không cần mất nhiều thời gian tìm kiếm. Như vậy, với việc thiết kế và tổ chức học liệu phù hợp với nhu cầu, điều kiện của GVTH đã tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích họ tự học, tự BD.

Chính vì vậy, các khóa học do đề tài nghiên cứu thiết kế, xây dựng được GVTH đánh giá cao, có tác động tích cực đến kết quả học tập của GV khi có 90,0% ý kiến GV đánh giá “Tự học, tự BD qua mạng giúp GV giải quyết công việc chuyên môn tốt hơn”.

Luận án đã phân tích đánh giá tác động của học liệu E-learning theo độ tuổi GVTH. Kết quả bảng 3.10 cho thấy các yếu tố tác động đến kết quả học tập của GVTH theo độ tuổi có tỉ lệ % GVTH đánh giá chênh lệch không cao. Hai tác động: “*Thông qua học tập trên mạng, việc ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường của GV đạt hiệu quả hơn*” và “*Tự học, tự BD qua mạng giúp GV giải quyết công việc chuyên môn tốt hơn*” có tỉ lệ % GVTH đánh giá chênh lệch tương đối lớn, lần lượt là 11,9% và 9,4%. Để tìm hiểu xem các yếu tố tác động trên có phụ thuộc vào độ tuổi của GVHT không, nhóm nghiên cứu đã thực hiện kiểm định giả thuyết Ho. Kết quả kiểm định Ho cho thấy P đều lớn hơn 0,05 như vậy không thể bác bỏ giả thuyết Ho, tức là những yếu tố tác động của học liệu E-learning đến kết quả học tập của GVTH không phụ thuộc vào độ tuổi.

Bên cạnh nghiên cứu đánh giá tác động của học liệu E-learning theo độ tuổi GVTH, đề tài nghiên cứu cũng tìm hiểu xem những kết quả tác động đó có ảnh hưởng bởi trình độ đào tạo của GVTH không.

Như vậy với nghiên cứu này có thể khẳng định yếu tố tác động trên của GVTH không phụ thuộc vào trình độ đào tạo.

Như vậy, các yếu tố tác động trên không có sự khác biệt giữa GVTH dạy ở vùng nông thôn với GVTH dạy ở thành phố.

#### **3.2.2.4. Một số ưu điểm và nhược điểm của học liệu**

Qua quá trình thử nghiệm, xin ý kiến đánh giá của GVTH, đặc biệt qua những điểm GV yêu thích nhất khi học tập qua hệ thống E-learning cho thấy rõ một số ưu điểm sau:

- Học liệu và hệ thống E-learning được thiết kế, xây dựng đã khai thác được những ưu điểm của CNTT&TT vào trong giáo dục;
- Học liệu và hệ thống E-learning được GVTH đánh giá có thiết kế, giao diện đẹp, hấp dẫn thu hút người xem, các bước hướng dẫn sử dụng rõ ràng, thuận tiện để GV tự học;
- Chức năng bảng điều khiển và các nút tương tác trong khóa học thuận tiện để GVTH tương tác với học liệu trong quá trình học;
- Liên kết được giữa bài tự kiểm tra đánh giá với bài học trong khóa học, học liệu, nguồn tài nguyên mở trên mạng. Kết nối với các Website có nội dung liên quan đến các khóa học để GVTH tham khảo trong quá trình học tập;
- Giúp GVTH có cơ hội học tập, tiếp xúc CNTT, tìm kiếm thông tin dễ dàng;
- Giúp GVTH kết bạn, hình thành nhóm học tập, giao lưu và tự tin để thảo luận, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm;

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm trên học liệu và hệ thống học liệu E-learning còn có một số hạn chế nhất định như:

- Một số nội dung bài giảng phân chia chưa hoàn toàn hợp lý, ở một số bài giảng nội dung còn dài và cần bổ sung thêm thông tin hình ảnh cho hấp dẫn hơn;
- Số lượng các khóa học chỉ là xây dựng mang tính chất minh họa, chưa nhiều, chưa phong phú để đáp ứng nhu cầu đa dạng của GVTH.
- Hệ thống cần có thêm nhiều video tiết dạy minh họa để GV tham khảo thêm.
- Tài liệu trong thư viện cần đa dạng và phong phú, chưa đáp ứng được nhu cầu của GVTH.
- Đối với GVTH lớn tuổi còn gặp một số khó khăn khi bắt sử dụng hệ thống học liệu E-learning.

### **3.3. Đánh giá chung về thực nghiệm**

#### **3.3.1. Về tác động sự phạm của hệ thống học liệu E-learning**

Thực nghiệm sự phạm đã đánh giá được tác động của học liệu E-learning. Kết quả thực nghiệm cho thấy học liệu E-learning được thiết kế, xây dựng là phù hợp với quá trình tự học, tự BD của GVTH. Học liệu có thông tin chữ và thông tin hình ảnh, âm thanh hấp dẫn, thu hút GVTH tự học, tự BD. Bài tự kiểm tra, đánh giá trước khóa học, trong khóa học đã có tác dụng định hướng cho GV học tập, điều chỉnh quá trình học tập. Hệ thống E-learning được tích hợp với học liệu và nguồn tài nguyên mở trên mạng Internet giúp GV tìm kiếm, khai thác học liệu thuận lợi giải quyết được khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu để tự học, tự BD.

Thông qua hệ thống học liệu E-learning, GVTH có thể kết bạn, hình thành nhóm học tập, học thông qua giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp phù hợp với đặc điểm học tập của NL, chính vì vậy đã khuyến khích GV tích cực tham gia học tập.

Bên cạnh đó, hệ thống học liệu đã có tác động tích cực đến quá trình tự học, tự BD của GVTH, giúp GVTH giải quyết được những khó khăn trong quá trình tự học, có cơ hội thường xuyên cập nhật nâng cao kiến thức và nghiệp vụ sự phạm, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn; thông qua học tập qua mạng GVTH cảm thấy trình độ kiến thức về CNTT được nâng cao và ứng dụng CNTT vào trong dạy học hiệu quả hơn.

#### **3.3.2. Về tính khả thi của học liệu**

Học liệu được thiết kế, xây dựng dựa trên các mô đun BD thường xuyên và các nội dung BD mới, mang tính cập nhật sẽ đáp ứng được nhu cầu tự học, tự BD của GV. Với học liệu và hệ thống E-learning được Luận án thiết kế xây dựng là khả thi, phù hợp với trình độ kiến thức, KN về công nghệ thông tin của GV, giúp GV hoàn toàn có thể khai thác để tự học.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có tới 99,7% GVTH khẳng định sẽ tiếp tục truy cập vào trang web của hệ thống học liệu và cũng với tỉ lệ là 99,7% đồng ý sẽ giới thiệu trang web với các đồng nghiệp của mình để tham khảo. Tập huấn bồi dưỡng GVTH dạy học theo Mô hình trường học mới (tháng từ ngày 3-7 tháng 6 năm 2015) báo cáo viên của một số lớp ở một số cụm tỉnh đã giới thiệu trang web với HV khóa tập huấn.

Qua phần mềm thống kê của hệ thống từ 1/3/2014 đến 30/5/2015 đã có 23.000 lượt người truy cập, trong ngày có khoảng từ 150 đến 300 lượt người truy cập.

Ngoài ra, số lượng người tìm kiếm có sử dụng các “từ khóa” liên quan đến từ khóa hoặc nội dung của hệ thống cũng tăng dần. Công cụ được người sử dụng để tìm kiếm tài liệu nhiều nhất là Google và Bing.

Như vậy, qua kết quả thực nghiệm và số liệu thống kê về sử dụng công cụ tìm kiếm có liên quan đến các từ khóa của học liệu, số lượng truy cập và sử dụng (thống kê số lần bấm chuột) hàng ngày của hệ thống cho thấy rằng hệ thống học liệu E-learning dành cho GVTH được luận án thiết kế, xây dựng đáp ứng nhu cầu học tập của GVTH và hoàn toàn khả thi trong giai đoạn hiện nay.

### **Kết luận chương 3**

- Học liệu E-learning và hệ thống E-learning được thiết kế xây dựng là phù hợp với nhu cầu, đặc điểm học tập của GVTH. GVTH có thể học mọi lúc, mọi nơi khi có nhu cầu, không ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, học liệu đa dạng phong phú, tự tin khi thảo luận, trao đổi, chia sẻ thông tin vì vậy đã khuyến khích được họ tự học, tự BD.

- Hệ thống học liệu được thiết kế xây dựng phù hợp với quá trình tự học, tự BD của GVTH. Bài tập tự kiểm tra đánh giá đưa ra những thông tin phản hồi có tác dụng định hướng giúp cho GVTH tự điều chỉnh qua trình tự học. GVTH có thể giải quyết được những khó khăn ngay trong quá trình tự học. Mặt khác, liên kết học liệu của hệ thống với nguồn tài nguyên, học liệu mở trên mạng Internet được GVTH đánh giá cao, giúp GV tiết kiệm thời gian tìm kiếm tài liệu để tự học, tự BD.

- Tự học với hệ thống học liệu E-learning giúp GVTH: Cập nhật kiến thức chuyên môn một cách nhanh nhất; góp phần giải quyết những khó khăn trong tìm kiếm tài liệu; tăng cơ hội thường xuyên nâng cao kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ; nâng cao được trình độ kiến thức về CNTT, tự tin và ứng dụng CNTT trong dạy học đạt hiệu quả hơn; và giúp GV giải quyết công việc chuyên môn tốt hơn.

- Các kết quả nghiên cứu cho thấy giả thuyết khoa học là đúng đắn, việc xây dựng học liệu E-learning phù hợp với đặc điểm và nhu cầu tự học của GVTH cũng như phát huy hết sức mạnh của CNTT&TT mạng Internet sẽ khuyến khích GVTH tự học, tự BD nâng cao trình độ chuyên môn.

- Với trình độ kiến thức, KN về CNTT hiện nay của GVTH đảm bảo họ có thể khai thác tốt hệ thống học liệu E-learning để tự học, tự BD phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, một trong những giải pháp trọng tâm là phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Đề tài luận án đã nghiên cứu thiết kế xây dựng học liệu E-learning đáp ứng nhu cầu tự học, tự BD của GVTH, đạt được một số kết quả sau:

#### ***Về mặt lý luận:***

- Góp phần làm rõ hơn khái niệm về học liệu, học liệu E-learning, phát triển chuyên môn.

- Góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa E-learning với các lý thuyết học tập; đặc điểm nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp của GVTH; vai trò của CNTT&TT và học liệu E-learning trong việc hỗ trợ GVTH tự học, tự BD nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Đề xuất được nguyên tắc, quy trình thiết kế xây dựng học liệu E-learning phù hợp với đặc điểm học tập và đáp ứng yêu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GVTH.

- Đề xuất được cách thức tổ chức học liệu E-learning trong từng khóa học, liên kết học liệu của hệ thống với nguồn tài nguyên, học liệu mở trên mạng để phát huy được những ưu điểm của công nghệ truyền thông mạng Internet.

- Đề xuất được các biện pháp GVTH sử dụng hệ thống học liệu E-learning để tự học, tự BD phát triển chuyên môn.

#### ***Về mặt thực tiễn:***

- Luận án đã thiết kế xây dựng được hệ thống học liệu E-learning bao gồm 03 khóa học minh họa dựa trên một số mô đun BD thường xuyên của GVTH và trên một số vấn đề mới, cập nhật của GDTH (Mô hình trường học mới Việt Nam).

- Luận án đã thử nghiệm, xin ý kiến đánh giá của GVTH về thiết kế xây dựng học liệu E-learning, tác động của học liệu E-learning đến tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH.

***Kết quả thử nghiệm cho thấy:***

- Hệ thống học liệu E-learning do Luận án thiết kế xây dựng dựa trên nền tảng vận dụng các lý thuyết học tập vào trong môi trường E-learning, đặc điểm học tập của NL là phù hợp với quá trình tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GVTH. Hệ thống học liệu E-learning giúp GVTH có thể tự học bất cứ khi nào, bất cứ nơi đâu khi có nhu cầu, không ảnh hưởng đến quá trình dạy học cũng như các hoạt động khác.

- Hệ thống học liệu E-learning thiết kế xây dựng đã khai thác được các thế mạnh của CNTT&TT, tích hợp với các dịch vụ mạng, nguồn tài nguyên học liệu mở, hình thành cộng đồng học tập ảo đã hấp dẫn thu hút GVTH tích cực học tập hơn, họ cảm thấy tự tin hơn trong việc trao đổi, thảo luận, chia sẻ thông tin, tăng cơ hội học tập phát triển chuyên môn, thường xuyên được cập nhật kiến thức mới.

- Hệ thống E-learning góp phần giúp GVTH giải quyết những khó khăn trong tìm kiếm tài liệu tự học, tự BD. Bài tập tự kiểm tra, đánh giá cùng các thông tin phản hồi, diễn đàn trong khóa học giúp GVTH định hướng, điều chỉnh quá trình tự học, có thể giải quyết được những khó khăn ngay trong quá trình tự học, góp phần nâng cao hiệu quả tự học, tự BD phát triển chuyên môn.

- Tự học với hệ thống học liệu E-learning giúp GVTH nâng cao kiến thức, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng CNTT một cách nhanh nhất, góp phần giải quyết công việc chuyên môn tốt hơn và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào trong dạy học.

- Hiện nay, triển khai xây dựng học liệu điện tử và hệ thống E-learning là phù hợp, đáp ứng được nhu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn của GV và hoàn toàn khả thi.

Với những kết quả trên, cho phép Luận án đi đến kết luận giả thuyết khoa học đã nêu ra là hợp lý, mục đích nghiên cứu đã đạt được, nhiệm vụ nghiên cứu đã hoàn thành.

**2. Khuyến nghị:**

Dựa trên kết quả nghiên cứu, Luận án đưa ra một số khuyến nghị sau:

***Đối với Bộ GD&ĐT:***

- Coi E-learning là một trong những hình thức đào tạo, BD hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý GD các cấp, các cơ sở GD nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng E-learning vào trong đào tạo, BD.

- Triển khai xây dựng mới và hoàn thiện các hệ thống E-learning hiện có để phục vụ nhu cầu tự học, tự BD phát triển chuyên môn cho GV.

- Có chính sách đánh giá, công nhận kết quả tự học, tự BD của GV thông qua hình thức E-learning để khuyến khích họ tích cực tự học, tự BD phát triển chuyên môn liên tục.

***Đối với các cơ quan nghiên cứu:***

- Thúc đẩy những nghiên cứu hoàn thiện cơ sở lý luận về ứng dụng E-learning trong dạy học. Có những nghiên cứu sâu đánh giá tác động, hiệu quả hình thức tự học, tự BD qua E-learning.

- Tiếp tục nghiên cứu, thiết kế xây dựng các mô hình E-learning phục vụ cho đào tạo, BD.

***Đối với trường tiểu học và GVTH:***

- Đổi mới nội dung và phương pháp tự học, tự BD xem E-learning là hình thức tự học, tự BD hiệu quả.

- Với trình độ kiến thức, KN về CNTT hiện nay của GVTH nói riêng và GV nói chung đảm bảo họ có thể khai thác tốt hệ thống học liệu E-learning để tự học, tự BD. Cán bộ quản lý trường tiểu học cần có chính sách khuyến khích GV tự học, tự BD qua E-learning.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Minh Tuấn (2010), *Định hướng xây dựng mô hình học liệu E- learning đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên cho giáo viên tiểu học*, Tạp chí Giáo dục. Số 242.
2. Nguyễn Minh Tuấn (2011), *Sử dụng E-learning trong đào tạo giáo viên ở một số nước châu Âu*, Tạp chí Giáo dục. Số 264.
3. Nguyễn Minh Tuấn (2012), *Sử dụng E-learning trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ở Hàn Quốc*, Tạp chí Giáo dục, **Số 291**.
4. Nguyễn Minh Tuấn (2013), *Đôi nét về ứng dụng E-learning trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Hàn Quốc*, Tạp chí Giáo dục, Số 308
5. Nguyễn Minh Tuấn (2014), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và phát triển chuyên môn của giáo viên tiểu học*, Tạp chí Giáo dục. Số 331.
6. Nguyễn Minh Tuấn (2014), *Học tập với học liệu điện tử trong đào tạo trực tuyến*, Tạp chí Giáo dục. Số đặc biệt, Tháng 6/2014.
7. Nguyễn Minh Tuấn (2014), *E-learning đáp ứng nhu cầu tự học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn cho giáo viên tiểu học*, Tạp chí Giáo dục & Xã hội. Số 48 (109). Tháng 8/2014.
8. Nguyễn Minh Tuấn (2015), *Đánh giá học liệu điện tử và tác động của học liệu đến tự học của giáo viên tiểu học*, Tạp chí. Giáo dục & Xã hội. Số đặc biệt tháng 4.